

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*QUÝ 1 - NĂM 2018*



*Hà Nội, tháng 04 năm 2018*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu B01a - CTCK

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>419,736,277,283</b>	<b>426,394,504,927</b>
<b>I. Tài sản tài chính</b>	<b>110</b>		<b>384,089,419,512</b>	<b>391,087,931,978</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111		81,015,406,804	5,407,777,371
1.1. Tiền	111.1	7.1	81,015,406,804	5,407,777,371
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	7.3.1	51,692,146,445	21,706,735,360
4. Các khoản cho vay	114	7.3.2	222,007,494,866	363,189,820,143
7. Các khoản phải thu	117		-	-
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		437,222,300	290,000,000
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	7.4.1	437,222,300	290,000,000
8. Trả trước cho người bán	118	7.4.2	90,287,500	90,287,500
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	7.4.3	58,163,656,092	29,720,106,099
12. Các khoản phải thu khác	122		4,930,200	4,930,200
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	7.5	(29,321,724,695)	(29,321,724,695)
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>130</b>		<b>35,646,857,771</b>	<b>35,306,572,949</b>
1. Tạm ứng	131		164,348,780	10,148,780
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	7.6 a	472,508,991	286,424,169
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	7.7	35,010,000,000	35,010,000,000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>26,196,560,846</b>	<b>6,271,562,448</b>
<b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8,625,102,417</b>	<b>603,073,625</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7.8	6,123,768,028	122,090,656
- Nguyên giá	222		15,181,021,041	9,130,548,041
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(9,057,253,013)	(9,008,457,385)
3. Tài sản cố định vô hình	227	7.9	2,501,334,389	480,982,969
- Nguyên giá	228		9,830,019,948	7,741,472,948
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(7,328,685,559)	(7,260,489,979)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>17,571,458,429</b>	<b>5,668,488,823</b>
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	7.6 b	9,777,204,874	76,061,871
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	7.10	7,794,253,555	5,592,426,952
<b>VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>445,932,838,129</b>	<b>432,666,067,375</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>45,841,798,194</b>	<b>33,454,828,499</b>
<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>42,987,221,394</b>	<b>30,600,251,699</b>
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		33,779,079,348	6,229,054,302
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	7.11	4,760,918,878	741,705,925
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		-	-
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	7.12	1,269,166,715	20,208,600,930
11. Phải trả người lao động	323		294,265,423	572,389,559
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324	7.13	94,475,171	84,013,482
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	7.14	1,075,482,609	2,288,488,339
17. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	329	7.15	73,788,629	72,938,629
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		1,640,044,621	403,060,533
<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>		<b>2,854,576,800</b>	<b>2,854,576,800</b>
12. Dự phòng phải trả dài hạn	354	7.16	2,854,576,800	2,854,576,800
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>400,091,039,935</b>	<b>399,211,238,876</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>400,091,039,935</b>	<b>399,211,238,876</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		310,923,293,997	310,956,293,997
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		310,500,000,000	310,500,000,000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		310,500,000,000	310,500,000,000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		(101,330,000)	(68,330,000)
1.4. Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		524,623,997	524,623,997
4. Quỹ dự trữ điều lệ	414		3,621,349,970	-
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		4,160,705,713	539,355,743
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		739,001,739	14,731,745
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417		80,646,688,516	87,700,857,391
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>		-	-
2.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1			
2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2			
<b>TỔNG CÔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>440</b>		<b>445,932,838,129</b>	<b>432,666,067,375</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)****CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

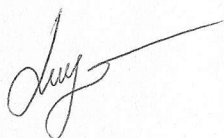
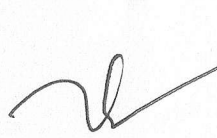
<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>TM</b>	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006		31,050,000	13,500,000
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	7.17	45,665,410,000	14,077,460,000
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	7.18	303,480,000	303,480,000
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	7.19	1,921,851,070,000	2,033,751,210,000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		1,346,278,570,000	1,587,747,210,000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		-	-
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		482,839,400,000	412,839,400,000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		72,000,000,000	-
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		20,733,100,000	33,164,600,000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	7.20	20,440,000	1,908,370,000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		20,440,000	1,908,370,000
7. Tiền gửi của khách hàng	026	7.21	151,897,035,650	528,974,259,926
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		110,218,594,994	437,585,970,886
7.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		41,678,440,656	91,388,289,040
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	029.1		41,678,440,656	91,388,289,040
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	7.22	159,005,614,998	535,203,314,228
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		159,005,614,998	535,203,314,228

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc


Nguyễn Thùy Dung

Trần Thị Thu Hà

Lê Tiên Đông

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Quý 1 Năm 2018

Mẫu B02- CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thu yết	Đơn vị tính: VND	
			Quý 1 - Năm 2018	Quý 1 - Năm 2017
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		4,498,789,510	19,100
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	7.23	1,808,288,892	
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ	01.2	7.24	2,636,401,718	-
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	7.25	54,098,900	19,100
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2		-	-
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03		11,403,336,566	848,917,956
1.4. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	4		-	-
1.5. Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	5		-	-
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		17,053,288,214	19,328,640,084
1.7. Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	7		-	-
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		359,503,115	320,750,519
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11		-	-
<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>20</b>		<b>33,314,917,405</b>	<b>20,498,327,659</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		25,242,912,192	(975,759,974)
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	7.23	-	
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	7.24	25,242,912,192	(975,759,974)
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3		-	-
2.2. Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	22		-	-
2.3. Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	23		-	-
2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		-	-
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26		-	-
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		3,895,145,678	4,301,218,571
2.8. Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành	28		-	-

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**Báo cáo kết quả hoạt động (tiếp theo)**

2.9. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	-	
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	64,112,685	165,612,313
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	-	
2.12. Chi phí các dịch vụ khác	32	6,229,565	6,036,960
Trong đó: Chi phí sửa lỗi giao dịch chứng khoán,	33	-	-
<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>40</b>	<b>29,208,400,120</b>	<b>3,497,107,870</b>
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	135,110,938	74,279,143
3.4. Doanh thu khác về đầu tư	44	147,222,300	2,187,300,296
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>50</b>	<b>282,333,238</b>	<b>2,261,579,439</b>
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>			
<b>Cộng chi phí tài chính</b>	<b>60</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>			
<b>61</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>			
<b>62</b>	<b>7.27</b>	<b>1,883,155,180</b>	<b>1,986,507,663</b>
<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>			
<b>70</b>		<b>2,505,695,343</b>	<b>17,276,291,565</b>
<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>			
8.1. Thu nhập khác	71	-	-
8.2. Chi phí khác	72	38,298	-
<b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>	<b>80</b>	<b>(38,298)</b>	<b>-</b>
<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)</b>			
<b>90</b>		<b>2,505,657,045</b>	<b>17,276,291,565</b>
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91	25,112,167,519	17,276,291,565
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92	(22,606,510,474)	-
<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>			
<b>100</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	-	-
<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)</b>			
<b>200</b>		<b>2,505,657,045</b>	<b>17,276,291,565</b>
<b>XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN</b>			
<b>300</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng thu nhập toàn diện</b>	<b>400</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>			
<b>500</b>		<b>792.59</b>	<b>1,279.73</b>
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	792.59	1,279.73

Người lập biểu



Nguyễn Thùy Dung

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hà

Lập, ngày 18 tháng 04 năm 2018

Tổng giám đốc



Lê Tiến Đông

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 1 Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Quý 1 - Năm 2018	Quý 1 - Năm 2017
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01		(79,583,632,667)	(39,382,000)
2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		26,991,711,108	
3. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03		(2,201,826,603)	(1,262,457,144)
4. Cổ tức đã nhận	04		54,098,900	19,076
5. Tiền lãi đã thu	05		11,430,136,772	
6. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	06		-	
7. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(20,053,569,259)	
8. Tiền chi trả cho người lao động	08		(1,236,333,571)	(1,069,326,272)
9. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09		(20,614,841,484)	(3,000,000)
11. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		265,872,352,954	43,339,203,559
12. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(105,050,466,717)	(81,149,941,948)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>75,607,629,433</i>	<i>(40,184,884,729)</i>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21		-	
3. Tiền chi đầu tư góp vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư khác	23		(40,000,000,000)	(20,000,000,000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn đầu tư vào công ty con công ty liên kết, liên doanh và đầu tư khác	24		40,000,000,000	4,643,269
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	25		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>-</i>	<i>(19,995,356,731)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<b>IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>75,607,629,433</b>	<b>(60,180,241,460)</b>
<b>V. Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>7.1</b>	<b>5,407,777,371</b>	<b>68,466,996,048</b>
<b>VI. Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>7.1</b>	<b>81,015,406,804</b>	<b>8,286,754,588</b>

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****PHÂN LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG****I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng**

1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	4,535,596,501,675	4,157,652,098,117
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(5,084,540,987,288)	(4,208,545,226,818)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	428,657,361,490	
9. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	09	(268,700,153)	
12. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	12		
13. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	13	(256,521,400,000)	
<b>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>	<b>20</b>	<b>(377,077,224,276)</b>	<b>(50,893,128,701)</b>

**II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng**

Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	30	528,974,259,926	82,861,668,854
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	31	528,974,259,926	82,861,668,854
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	437,585,970,886	74,030,662,781
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	33	91,388,289,040	8,831,006,073

**III Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)**

Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	40	151,897,035,650	31,968,540,153
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	41	151,897,035,650	31,968,540,153
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	110,218,594,994	7,945,811,839
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	41,678,440,656	24,022,728,314

Người lập biểu



Nguyễn Thùy Dung

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hà

Lập, ngày 18 tháng 04 năm 2018





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Quý I Năm 2018

MẪU B04 - CTCK  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm			Số dư cuối năm		
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>
<b>I. Biến động vốn chủ sở hữu</b>									
I. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135,524,623,997	310,956,293,997	-	-	3,621,349,970	33,000,000	135,524,623,997	314,544,643,967
I.1. Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		135,000,000,000	135,000,000,000	-	-	-	-	135,000,000,000	135,000,000,000
I.2. Vốn bổ sung		-	175,500,000,000	-	-	-	33,000,000	-	175,500,000,000
I.3. Thặng dư vốn cổ phần		-	(68,330,000)	-	-	-	-	-	(101,330,000)
I.5. Vốn khác của chủ sở hữu		524,623,997	524,623,997	-	-	3,621,349,970	-	524,623,997	4,145,973,967
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		539,355,743	539,355,743	-	-	3,621,349,970	-	539,355,743	4,160,705,713
7. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		14,731,745	14,731,745	-	-	724,269,994	-	14,731,745	739,001,739
8. Lợi nhuận chưa phân phối		(268,949,341)	87,700,857,391	17,276,291,565	-	2,505,657,045	9,559,825,920	17,007,342,224	80,646,688,516
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện		(268,949,341)	86,347,887,209	17,276,291,565	-	25,112,167,519	9,559,825,920	17,007,342,224	101,900,228,808
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		-	1,352,970,182	-	-	(22,606,510,474)	-	-	(21,253,340,292)
<b>Cộng</b>		<b>135,809,762,144</b>	<b>399,211,238,876</b>	<b>17,276,291,565</b>	<b>-</b>	<b>10,472,626,979</b>	<b>9,592,825,920</b>	<b>153,086,053,709</b>	<b>400,091,039,935</b>
<b>II. Thu nhập toàn diện khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Người lập biểu

*(Signature)*

Nguyễn Thùy Dung

Kế toán trưởng

*(Signature)*

Trần Thị Thu Hà

Lập, ngày 18 tháng 04 năm 2018  
 Tổng Giám đốc



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý 1 - Năm 2017**

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **1.1 Giấy chứng nhận thành lập Công ty Chứng khoán Artex**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK – GP ngày 03 tháng 3 năm 2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/ GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013; Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 06/06/2014; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 59/GPĐC-UBCK ngày 25/12/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về thay đổi vốn điều lệ. Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

#### **1.2 Địa chỉ liên hệ của Công ty Chứng khoán**

Địa chỉ: Tầng 5 Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội  
Mã số thuế: 0 1 0 2 6 6 9 3 6 8

#### **1.3 Điều lệ hoạt động công ty chứng khoán:** Ban hành ngày 17 tháng 03 năm 2008 và sửa đổi, bổ sung vào ngày 10 tháng 02 năm 2018

#### **1.4 Ngành nghề kinh doanh chính**

Môi giới chứng khoán;  
Tự doanh chứng khoán;  
Tư vấn đầu tư chứng khoán.

#### **1.5 Quy mô vốn**

Vốn điều lệ theo Giấy phép điều chỉnh số 59/GPĐC-UBCK ngày 25/12/2017 là: 310.500.000.000 VND (Bằng chữ: Ba trăm mười tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn./.).

#### **1.6 Hạn chế đầu tư và cho vay**

Thực hiện theo Điều 43, 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

#### **1.7 Cấu trúc doanh nghiệp**

*Danh sách đơn vị trực thuộc :*

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 1129/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.  
Địa chỉ : Số 86-88 Phố Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

## **2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính.

### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 210/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính.

### **3.3 Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **4.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền của khách hàng được hạch toán, theo dõi tách biệt và được tổng hợp tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính của Công ty gồm: Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý; Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng; Tiền gửi của Tổ chức phát hành; Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư.

### **4.2 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.**

#### ***Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của CTCK***

Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn (không bao gồm khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng đã được trình bày tại chi tiêu "Các khoản tương đương tiền").

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

#### **Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:**

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ là các tài sản được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua các hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời như: cổ phiếu, trái phiếu, công cụ tiền tệ, công cụ phái sinh.

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được ghi nhận theo giá gốc là giá mua thực tế hoặc giá khớp lệnh mua và không bao gồm các chi phí mua như: Phí môi giới, phí giao dịch, phí ngân hàng.... Khi bán, giá vốn của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm bán.

Công ty đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ theo giá thị trường, thực hiện đánh giá lại 6 tháng 1 lần. Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động, theo 2 chỉ tiêu: Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ. Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại xác định lãi hoặc lỗ chưa thực hiện của kỳ.

#### **Các khoản cho vay:**

Các khoản cho vay thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty chứng khoán là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các cam kết cho vay phát sinh bao gồm: Cam kết cho vay theo hợp đồng margin hoặc hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng;

#### **4.3 Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi (-) các khoản dự phòng được ước tính cho các khoản phải thu khó đòi dựa trên cơ sở xem xét của Ban Tổng Giám đốc đối với các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để trích lập dự phòng.

#### **4.4 Nguyên tắc ghi nhận và trích khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	6 - 10
Máy móc thiết bị	10
Phần mềm tin học	20

#### 4.5 Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### 4.6 Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

##### *Nguyên tắc phân loại các khoản phải trả*

Các khoản phải trả, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

##### *Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.*

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

##### *Phải trả tổ chức phát hành*

Phải trả tổ chức phát hành phản ánh tình hình nhận và thanh toán cho Tổ chức phát hành về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do CTCK thực hiện, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

##### *Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán*

Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán phản ánh số hiện có và tình hình biến động về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý và ngân hàng thương mại quản lý.

##### *Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán*

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh tình hình thanh toán với Sở GDCK và Trung tâm lưu ký CK về phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký chứng khoán, phí bù trừ thanh toán chứng khoán.

##### *Chi phí phải trả*

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này là: phí giao dịch và các phí khác liên quan đến hoạt động của công ty.

##### *Dự phòng phải trả*

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng phải trả hiện có, tình hình trích lập và sử dụng dự phòng phải trả của doanh nghiệp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

a) Dự phòng phải trả chi được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

b) Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

d) Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả trích lập trong năm là cho khoản phải trả bà Đường Thị Quy – chủ tài khoản chứng khoán 083C003060 theo thông báo thụ lý vụ án ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân Quận Nam Từ Liêm yêu cầu Công ty hoàn trả số tiền gốc 4.000.000.000 và lãi suất hàng tháng phát sinh từ số dư trong tài khoản có liên thông với các tài khoản khác đang nợ Công ty chưa có khả năng hoàn trả với số tiền là 2.854.576.800 VND.

#### 4.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

##### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu.

##### *Các Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu*

Được ghi nhận theo quyết định phân phối lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông.

##### *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

#### 4.8 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu hoạt động tư vấn*

Doanh thu hoạt động tư vấn được ghi nhận trên kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

##### *Doanh thu, thu nhập về kinh doanh các tài sản tài chính tự doanh*

Thu nhập bán các tài sản tài chính: được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính đã bán ra.

Điều kiện ghi nhận doanh thu, thu nhập về kinh doanh các tài sản tài chính tự doanh:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản tài chính đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý tài sản tài chính như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát tài sản tài chính;
- Doanh thu, thu nhập được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán tài sản tài chính;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán tài sản tài chính.

Các thu nhập phát sinh khác từ các tài sản tài chính: Lãi cho vay từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật chứng khoán; Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các tài sản tài chính, mà không bao gồm các khoản thu nhập phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định hoạt động góp vốn liên

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

doanh, liên kết, đầu tư vào công ty con (các khoản thu nhập này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính).

Điều kiện ghi nhận các thu nhập phát sinh khác từ các tài sản tài chính:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ cho khách hàng:**

Phương pháp ghi nhận doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng: doanh thu được thực hiện trên các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán mà Công ty được cấp phép hoạt động, bao gồm:

*Doanh thu về nghiệp vụ môi giới chứng khoán:* Là khoản phí môi giới chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ việc cung cấp dịch vụ về nghiệp vụ môi giới chứng khoán cho khách hàng và được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

*Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo phương thức bảo lãnh và hưởng phí bảo lãnh:* Là số phí được hưởng tính trên giá trị chứng khoán bảo lãnh phát hành đã được phát hành, đã thu tiền và tỷ lệ phí theo thỏa thuận. Doanh thu này được ghi nhận khi có Biên bản quyết toán với Tổ chức phát hành chứng khoán.

*Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo phương thức hưởng chiết khấu tiền bán chứng khoán đã được phát hành:* Là khoản chênh lệch giữa chứng khoán đã phát hành, đã thu tiền với giá chiết khấu chứng khoán đã thỏa thuận thanh toán lại với Tổ chức phát hành. Doanh thu này được ghi nhận khi có Biên bản quyết toán với Tổ chức phát hành chứng khoán.

*Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán:* là số tiền hoa hồng được hưởng từ đại lý phát hành chứng khoán cho Tổ chức phát hành hoặc cho Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán tính trên giá trị chứng khoán đã phát hành, đã thu tiền cho người giao đại lý phát hành chứng khoán.

*Doanh thu về nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán:* là số phí được hưởng từ nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán cho khách hàng đã thực hiện trong kỳ.

*Doanh thu về nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:* là số phí được hưởng khi cung cấp các nghiệp vụ về lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật. Bao gồm: Cung cấp dịch vụ đăng ký, lưu ký chứng khoán, thanh toán các giao dịch chứng khoán; Dịch vụ quản lý sổ cổ đông, đại lý chuyển nhượng...

*Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính:* là doanh thu phát sinh từ việc cung cấp các dịch vụ tư vấn trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng tư vấn.

#### **Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ của CTCK:**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### **Doanh thu hoạt động tài chính**

- Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu, dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Doanh thu đầu tư khác...

**4.9 Nguyên tắc kế toán chi phí hoạt động CTCK, chi phí hoạt động tài chính, chi phí quản lý công ty chứng khoán.**

*Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh:* bao gồm: Chi phí mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ; các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính và chi phí hoạt động tự doanh.

*Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ:* phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh và dự chi liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ của công ty chứng khoán.

*Chi phí hoạt động tài chính bao gồm:* Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái; Chi phí lãi vay; Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

*Chi phí quản lý CTCK:* phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh và dự chi có liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý công ty chứng khoán.

**4.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là chi phí thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển. Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

**5. QUẢN TRỊ VỀ RỦI RO TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CTCK**

**5.1 Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính đối với CTCK**

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả kinh doanh của Công ty.

**5.2 Rủi ro tín dụng:**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty, Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng được đánh giá ở mức thấp. Công ty có rủi ro tín dụng từ các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng, hoạt động giao dịch ký quỹ và đầu tư tài chính. Mức rủi ro tín dụng tối đa với mỗi nhóm tài sản chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán.

***Phải thu khách hàng***

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ theo đúng hợp đồng. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của các khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

#### ***Đầu tư tài chính***

Các khoản đầu tư tài chính của công ty bị giảm giá và Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tại thời điểm lập báo cáo tài chính của Công ty. Tuy nhiên, đối với chứng khoán chưa niêm yết, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng do các chứng khoán này không phát sinh giao dịch nên không xác định được giá thị trường.

#### **5.3 Rủi ro thanh khoản:**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

#### **5.4 Rủi ro thị trường:**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro; rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá khác, ví dụ như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi các khoản đầu tư ngắn hạn. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

#### **5.5 Rủi ro tiền tệ:**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty duy trì số dư tài sản bằng tiền có gốc ngoại tệ ở mức độ hợp lý để đảm bảo đáp ứng như cầu sử dụng thường xuyên và đảm bảo nghĩa vụ phải trả đến hạn bằng tiền có gốc ngoại tệ.

#### **5.6 Các rủi ro về giá**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám Đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Sự tăng (hoặc giảm) của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

## **6. CÁC CHÍNH SÁCH ĐỊNH GIÁ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH THUỘC DANH MỤC TÀI SẢN TÀI CHÍNH CỦA CTCK**

Định giá theo giá trị thị trường hoặc theo giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH****A. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH****A.7.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	94,085,653	57.373.396
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	80,769,523,763	5.285.307.026
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	151,797,388	65.096.949
<b>Cộng</b>	<b><u>81,015,406,804</u></b>	<b><u>5.407.777.371</u></b>

**A.7.2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ**

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
<b>a. Cửa công ty chứng khoán</b>	<b>546.000</b>	<b>78.368.900.000</b>
- Cổ phiếu	546.000	78.368.900.000
<b>b. Cửa nhà đầu tư</b>	<b>201.806.187</b>	<b>11.317.608.067.500</b>
- Cổ phiếu	201.806.187	11.317.608.067.500
<b>Tổng cộng</b>	<b>202.352.187</b>	<b>11.395.976.967.500</b>

**A.7.3. Các loại tài sản tài chính****7.3.1. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Cổ phiếu niêm yết	72.348.677.137	49.055.954.445	19.756.755.578	21.343.696.160
Cổ phiếu chưa niêm yết	597.009.600	2.636.192.000	597.009.600	363.039.200
<b>Cộng</b>	<b><u>72.945.686.737</u></b>	<b><u>51.692.146.445</u></b>	<b><u>20.353.765.178</u></b>	<b><u>21.706.735.360</u></b>

**7.3.2. Các khoản cho vay và phải thu**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Cho vay hoạt động Margin	35.566.325.241	35.566.325.241	71.704.783.801	71.704.783.801
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	186.441.169.625	186.441.169.625	291.485.036.342	291.485.036.342
<b>Cộng</b>	<b><u>222.007.494.866</u></b>	<b><u>222.007.494.866</u></b>	<b><u>363.189.820.143</u></b>	<b><u>363.189.820.143</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****A.7.4. Các khoản phải thu****7.4.1. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải thu lãi của Hợp đồng hợp tác đầu tư đã tất toán	437,222,300	290.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>437,222,300</u></b>	<b><u>290.000.000</u></b>

**7.4.2. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các đối tượng khác	90.287.500	90.287.500
<b>Cộng</b>	<b><u>90.287.500</u></b>	<b><u>90.287.500</u></b>

**7.4.3. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	302,931,054	617.684.034
Phải thu hoạt động tư vấn	28,941,000,000	141.000.000
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	32,287,843	73.984.870
Phải thu dịch vụ khác	28,887,437,195	28.887.437.195
<b>Cộng</b>	<b><u>58,163,656,092</u></b>	<b><u>29.720.106.099</u></b>
<i>Trong đó: Chi tiết các khoản phải thu khó đòi</i>	<i>29.028.437.195</i>	<i>29.028.437.195</i>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****A.7.5. Dự phòng phải thu khó đòi**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Số đầu năm	(29.321.724.695)	(29.028.437.195)
Số trích lập/ hoàn nhập trong năm		(293.287.500)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>(29.321.724.695)</u></b>	<b><u>(29.321.724.695)</u></b>

Chi tiết số dư dự phòng tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2018 như sau:

	Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Quý 1 - Năm 2018		
			Số đầu kỳ	Số trích lập/hoàn nhập trong kỳ	Số cuối kỳ
1	Dự phòng khó đòi phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	29.028.437.195	29.028.437.195		29.028.437.195
	<i>Đặng Thị Hoàn</i>	<i>1.985.767.855</i>	<i>1.985.767.855</i>		<i>1.985.767.855</i>
	<i>Đặng Thị Hồng Hà</i>	<i>1.802.130.395</i>	<i>1.802.130.395</i>		<i>1.802.130.395</i>
	<i>Đình Thị Kim Thúy</i>	<i>1.128.657.078</i>	<i>1.128.657.078</i>		<i>1.128.657.078</i>
	<i>Mai Đức Nam</i>	<i>2.392.082.423</i>	<i>2.392.082.423</i>		<i>2.392.082.423</i>
	<i>Nguyễn Thị Cẩm Tú</i>	<i>3.245.015.924</i>	<i>3.245.015.924</i>		<i>3.245.015.924</i>
	<i>Nguyễn Thị Nga</i>	<i>1.744.423.468</i>	<i>1.744.423.468</i>		<i>1.744.423.468</i>
	<i>Nguyễn Trà My</i>	<i>2.444.898.378</i>	<i>2.444.898.378</i>		<i>2.444.898.378</i>
	<i>Nguyễn Tuấn Anh</i>	<i>3.167.341.425</i>	<i>3.167.341.425</i>		<i>3.167.341.425</i>
	<i>Võ Hưng Hiếu</i>	<i>2.791.041.936</i>	<i>2.791.041.936</i>		<i>2.791.041.936</i>
	<i>Khách hàng khác</i>	<i>8.327.078.313</i>	<i>8.327.078.313</i>		<i>8.327.078.313</i>
2	Trả trước cho nhà cung cấp	90.287.500	90.287.500		90.287.500
	<i>Báo Thái Nguyên</i>	<i>3.000.000</i>	<i>3.000.000</i>		<i>3.000.000</i>
	<i>Công ty CP phần mềm OOS</i>	<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>		<i>20.000.000</i>
	<i>Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Du lịch Việt Mỹ</i>	<i>25.200.000</i>	<i>25.200.000</i>		<i>25.200.000</i>
	<i>Công ty TNHH Tích Hợp hệ thống quản lý Quốc Tế</i>	<i>42.087.500</i>	<i>42.087.500</i>		<i>42.087.500</i>
3	Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	290.000.000	203.000.000		203.000.000
	<i>Phải thu tiền lãi hợp đồng hợp tác đầu tư</i>	<i>290.000.000</i>	<i>203.000.000</i>		<i>203.000.000</i>
	<b>Cộng</b>	<b>29.408.724.695</b>	<b>29.321.724.695</b>		<b>29.321.724.695</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**A.7.6. Chi phí trả trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Chi phí trả trước ngắn hạn</i>	472.508.991	286.424.169
<i>Chi phí trả trước dài hạn</i>	9.777.204.874	76.061.871
- Chi phí thuê VP tại TP.HCM	9.696.000.000	
- Chi phí trả trước ngắn hạn	81.204.874	
<b>Cộng</b>	<b><u>10.249.713.865</u></b>	<b><u>362.486.040</u></b>

**A.7.7. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
- Công ty Cổ phần Địa Ốc Star Hà Nội	35.000.000.000	35.000.000.000
- Đối tượng khác	10.000.000	10.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>35.010.000.000</u></b>	<b><u>35.010.000.000</u></b>

(\*) Là khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Địa ốc Star Hà Nội để đặt cọc thuê một phần diện tích văn phòng thuộc tòa nhà FALCON Hà Đông theo hợp đồng đặt cọc HĐ/STAR-ART ngày 24 tháng 04 năm 2015 số tiền đặt cọc là 40 tỷ đồng. Trong năm 2016 đơn vị đã thu hồi 5 tỷ do hai bên thỏa thuận giảm số tiền đặt cọc.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****A.7.8. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	8.031.590.741	1.098.957.300	358.472.032	9.130.548.041
Tăng trong kỳ	<u>6,015,504,000</u>	-	<u>34,969,000</u>	<u>6,050,473,000</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>14,047,094,741</u></b>	<b><u>1,098,957,300</u></b>	<b><u>34,969,000</u></b>	<b><u>15,181,021,041</u></b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	7,909,500,085	1,098,957,300	0	9.168.726.745
Khấu hao trong kỳ	<u>47,050,668</u>	-	<u>1,744,960</u>	<u>188.202.672</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>7,956,550,753</u></b>	<b><u>1,098,957,300</u></b>	<b><u>1,744,960</u></b>	<b><u>9,057,253,013</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	<u>122.090.656</u>	-	-	<u>122.090.656</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>6.090.543.988</u></b>	<b>-</b>	<b><u>33.224.040</u></b>	<b><u>6.123.768.028</u></b>

**A.7.9. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Tài sản cố định vô hình khác</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	6.376.690.400	1.364.782.548	7.741.472.948
Tăng trong kỳ	<u>2.088.547.000</u>	-	<u>2.088.547.000</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>8.465.237.400</u></b>	<b><u>1.364.782.548</u></b>	<b><u>9.830.019.948</u></b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu kỳ	5.895.707.431	1.364.782.548	7.260.489.979
Khấu hao trong kỳ	<u>68.195.580</u>	-	<u>68.195.580</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>5.963.903.011</u></b>	<b><u>1.364.782.548</u></b>	<b><u>7.328.685.559</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	<u>480.982.969</u>	-	<u>480.982.969</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>2.501.334.389</u></b>	<b>-</b>	<b><u>2.501.334.389</u></b>

**A.7.10. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	<u>6.222.452.285</u>	<u>4.958.973.357</u>
Tiền lãi được phân bổ trong kỳ	<u>1.451.801.270</u>	<u>513.453.595</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>7.794.253.555</u></b>	<b><u>5.592.426.952</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****A.7.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV FLC Land (Công ty CP FLC Land)	4.052.025.500	159.402.881
Công ty luật TNHH SMIC	134.424.200	147.584.100
CN Công ty CP Quản lý sân Golf Biscom Thanh Hóa	147.584.100	264.728.378
Công ty CP công nghệ tin học và dịch vụ Goline	264.728.378	70.000.000
Công ty CP công nghệ tin học và dịch vụ Goline	70.000.000	99.990.566
CN Công ty TNHH Một thành viên viễn thông QT FPT	37.400.000	
Các đối tượng khác	54.756.700	
<b>Cộng</b>	<b><u>4.760.918.878</u></b>	<b><u>741.705.925</u></b>

**A.7.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	454.545	454.545
Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	18.037.780.502
Thuế thu nhập cá nhân	1.268.712.170	2.170.365.883
<b>Cộng</b>	<b><u>1.269.166.715</u></b>	<b><u>20.208.600.930</u></b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Doanh thu dịch vụ môi giới chứng khoán, tư vấn, lưu ký chứng khoán, tự doanh chứng khoán là hoạt động không chịu thuế GTGT. Các hoạt động khác 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

**Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác công ty kê khai và nộp theo quy định.

**A.7.13. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	91.782.088	81.320.402
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	2.693.083	2.693.080
<b>Cộng</b>	<b><u>94.475.171</u></b>	<b><u>84.013.482</u></b>

**A.7.14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoạt động	1.032.782.609	2.238.728.339
Chi phí hành chính		7.850.000
Chi phí quản lý CTCK	42.700.000	41.910.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.075.482.609</u></b>	<b><u>2.288.488.339</u></b>

**A.7.15. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả, phải nộp khác	73.788.629	72.938.629
<b>Cộng</b>	<b><u>73.788.629</u></b>	<b><u>72.938.629</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****A.7.16. Dự phòng phải trả dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi phải trả TK 083C003060–Đường Thị Quy (*)	2.854.576.800	2.266.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.854.576.800</u></b>	<b><u>2.266.000.000</u></b>

(\*) Theo thông báo thụ lý vụ án ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân Quận Nam Từ Liêm về việc Bà Đường Thị Quy chủ tài khoản chứng khoán 083C003060 yêu cầu Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex phải hoàn trả số tiền gốc 4.000.000.000 VND và tiền lãi hàng tháng phát sinh từ số dư trên.

**A.7.17. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của CTCK**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	45.665.410.000	14.077.460.000
<b>Cộng</b>	<b><u>45.665.410.000</u></b>	<b><u>14.077.460.000</u></b>

**A.7.18. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu	303.480.000	303.480.000
<b>Cộng</b>	<b><u>303.480.000</u></b>	<b><u>303.480.000</u></b>

**A.7.19. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.346.278.570.000	1.587.747.210.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	482.839.400.000	412.839.400.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	72.000.000.000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	20.733.100.000	33.164.600.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.921.851.070.000</u></b>	<b><u>2.033.751.210.000</u></b>

**A.7.20. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	20,440,000	1.908.370.000
<b>Cộng</b>	<b><u>20,440,000</u></b>	<b><u>1.908.370.000</u></b>

**A.7.21. Tiền gửi của Nhà đầu tư**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	110,218,594,994	437.585.970.886
<i>Của nhà đầu tư trong nước</i>	<i>110,218,594,994</i>	<i>437.585.970.886</i>
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	41,678,440,656	91.388.289.040
<i>Của nhà đầu tư trong nước</i>	<i>41,678,440,656</i>	<i>91.388.289.040</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>151,897,035,650</u></b>	<b><u>528.974.259.926</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

**A.7.22. Phải trả Nhà đầu tư**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	159,005,614,998	535.203.314.228
<i>Của Nhà đầu tư trong nước</i>	<u>159,005,614,998</u>	<u>535.203.314.228</u>
<b>Cộng</b>	<b><u><u>159,005,614,998</u></u></b>	<b><u><u>535.203.314.228</u></u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**B. THUÝẾT MINH VỀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

B.7.23.Lãi lỗ bán các tài sản tài chính

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này
A	B	1	2	3=1*2	4	5=3-4
1	Cổ phiếu niêm yết	200.000	144.000	28.800.000.000	26.991.711.108	1.808.288.892
	+ ROS	200.000	144.000	28.800.000.000	26.991.711.108	1.808.288.892
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-
3	Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>200.000</b>	<b>144.000</b>	<b>28.800.000.000</b>	<b>26.991.711.108</b>	<b>1.808.288.892</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
**BẢO CÁO TÀI CHÍNH**

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**B.7.24. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính**

STT	A	Danh mục các loại tài sản tài chính	B	Giá trị mua theo sổ kế toán	C	Giá trị trường hoặc Giá trị hợp lý	D	Chênh lệch đánh giá tăng trong năm	E=C-D	Chênh lệch đánh giá lại năm trước	F	Chênh lệch đánh giá lại năm nay	G=E-F
I		Loại FVTPL		72.945.686.737		51.245.894.332		3.156.454.218	24.856.246.643	1.097.481.679		14.436.076.242	
1		Cổ phiếu niêm yết		72.348.677.137		48.609.702.332		1.007.271.818	24.746.246.643	1.584.491.279		11.799.884.242	
		<i>FLC</i>		1.611.295.233		1.204.068.750			407.492.703	(354.895.233)		52.597.470	
		<i>HAI</i>		2.972.500.000		1.177.913.250			1.794.692.275	(1.058.900.000)		735.792.275	
		<i>KLF</i>		7.772.814.914		2.121.266.400			5.651.548.514	(4.767.687.514)		883.861.000	
		<i>ROS</i>		29.986.971.543		30.992.490.000		1.005.518.457		7.769.062.749		(6.763.544.292)	
		<i>Các cổ phiếu khác</i>		30.000.000.000		13.110.000.000			16.890.000.000	-		16.890.000.000	
2		Cổ phiếu chưa niêm yết		5.095.447		3.963.932		1.753.361	2.513.151	(3.088.723)		1.177.789	
		<i>Techcombank</i>		597.009.600		2.636.192.000		2.149.182.400	110.000.000	(487.009.600)		2.636.192.000	
		<i>Itasco</i>		487.009.600		2.636.192.000		2.149.182.400	-	(487.009.600)		2.636.192.000	
3		Trái phiếu niêm yết											
4		Trái phiếu chưa niêm yết											

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)**B.7.25.Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính		
FVTPL	54,098,900	126.400
<b>Cộng</b>	<b>54,098,900</b>	<b>126.400</b>

**B.7.26.Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	135.110.938	785.013.463
Doanh thu hoạt động tài chính khác	147.222.300	1.055.972.200
<b>Cộng</b>	<b>282.333.238</b>	<b>1.840.985.663</b>

**B.7.27.Chi phí quản lý của công ty chứng khoán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	809.730.726	3.828.203.127
Chi phí công cụ, dụng cụ	14.414.178	219.524.713
Chi phí khấu hao TSCĐ	116.991.208	1.309.274.947
Chi phí thuế, phí và lệ phí	43.362.551	109.060.564
Chi phí dịch vụ mua ngoài	898.656.517	2.063.053.248
Chi phí khác		1.230.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.883.155.180</b>	<b>8.759.116.599</b>

**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**A. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng

quản trị, các thành viên Ban điều hành và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**B. Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Liên doanh đầu tư Quốc tế KLF	Đồng chủ tịch
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	Chủ tịch HĐQT là Phó TGD CTCP Tập đoàn FLC

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

*B1.1 Số chứng khoán của các bên liên quan còn nắm giữ tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2018 như sau:*

	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>
KLF - Công ty Cổ phần Liên doanh đầu tư Quốc tế KLF	883.861	7.772.814.910
FLC - Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	192.651	1.611.295.233

*B 1.2 Hợp đồng giao dịch*

Hợp đồng thuê văn phòng tại địa chỉ gian phòng số 2, tầng 18, tòa nhà Saigon Centre, 65 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Q1, TP Hồ Chí Minh ngày 28 tháng 02 năm 2018, thời hạn thuê 33 tháng từ ngày 01.03.2018.

<b>Bên liên quan</b>	<b>Thời hạn ( tháng)</b>	<b>Giá trị</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	33	9.999.000.000

**8.2 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

**Người lập biểu**



**Nguyễn Thùy Dung**

**Kế toán trưởng**



**Trần Thị Thu Hà**

Lập, ngày 18 tháng 04 năm 2018

**Tổng giám đốc**



**Lê Tiên Đông**